

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP
CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-PT
Ngày: 16-01-2025
V/v: “*Tuyên bố giao dịch
vay tiền vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Phạm Tấn Hoàng
ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tuyên bố giao dịch vay tiền vô hiệu*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Kodera T, sinh năm 1969; địa chỉ: 5 H, B, T, J.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992; địa chỉ: số C, đường B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thanh M - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P; địa chỉ: C N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1989; địa chỉ: số A, đường L, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Duy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn kiện của nguyên đơn ông Koderu T và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Trước đây, ông Koderu T cho ông Nguyễn Duy T1 vay tiền để đầu tư Forex, khi ông T1 còn ở Nhật Bản. Hai bên thống nhất khoản nợ còn lại là 10.300.000 Yên Nhật.

Ngày 27/11/2023, tại Đà Nẵng, Việt Nam, ông Koderu T và ông Nguyễn Duy T1 ký hợp đồng vay tiêu dùng tiền tệ. Nội dung chính của hợp đồng là ông Koderu T cho ông Nguyễn Duy T1 vay số tiền 10.300.000 Yên Nhật (*mười triệu, ba trăm nghìn Y*) cho phù hợp với khoản nợ trước đó. Thời hạn vay đến ngày 29/02/2024. Lãi suất vay là 6%/năm. Nếu vượt quá thời hạn trên thì lãi suất sẽ là 9%/năm đối với số tiền chưa trả. Từ đó đến nay ông T1 chưa trả đồng gốc và lãi nào.

Tại Hợp đồng vay vốn đã ký giữa ông Koderu T và ông Nguyễn Duy T1 vào ngày 27/11/2023 đã nêu việc cho vay khoản tiền 10.300.000 Y đã ghi “*cho đến ngày 29/02/2024 phải hoàn trả một lần cả tiền gốc lẫn tiền lãi*”. Tuy nhiên, nay đã quá hạn cần hoàn trả theo Hợp đồng; và dù ông Koderu T nhiều lần yêu cầu nhưng ông Nguyễn Duy T1 đều cố tình trì hoãn việc hoàn trả khoản tiền vay theo Hợp đồng đã ký.

Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Duy T1 trả cho ông Koderu T:

- Số tiền gốc: 10.300.000 Yên Nhật (*mười triệu ba trăm nghìn Y*).
- Số tiền lãi: 160.800 Yên Nhật; dựa theo tỷ lệ lãi suất 6%/năm trong thời gian từ ngày 27/11/2023 đến ngày 29/02/2024.
- Từ ngày 01/3/2024 cho đến khi Tòa án ban hành bản án sơ thẩm, lãi suất do chậm thanh toán theo Hợp đồng sẽ được tính theo tỷ lệ 9%/năm.

** Bị đơn ông Nguyễn Duy T1 trình bày:*

Ông T1 sinh sống tại Nhật Bản hơn 11 năm. Sau khi về Việt Nam thăm gia đình và quê hương, ông T1 có gặp một số anh em trong đó có ông Koderu T. Trên cơ sở bạn bè thân mật, thấy ông T1 giao dịch ngoại hối Forex thành công và hiệu quả. Trên cơ sở đó, ông Koderu T có giao tiền mặt là 10.300.000 Yên Nhật, tại Nhật Bản. Hai bên có làm hợp đồng bằng tiếng Nhật, do ông K Tsuyoshi giữ, ông T1 có giữ 1 bản nhưng trong quá trình chuyển nhà về Việt Nam thì thất lạc. Ông T1 có hưởng chênh lệch %, còn ông Koderu T hưởng lãi suất 15%/tháng. Từ tháng 6/2023 đến tháng cuối tháng 8/2013, hai bên làm ăn và giao dịch khá thuận lợi, ông T1 trả lãi suất cho ông Koderu T đầy đủ. Nhưng thời gian sau đó thị trường xấu đi và hầu như thua lỗ 99% số dư tài khoản nên ông T1 không có khả năng chi trả.

Ông Koderia T có nhờ hai người bạn Nhật Bản về Đà Nẵng ép buộc ông T1 ký vào hợp đồng như nguyên đơn cung cấp cho Toà án. Hai người Nhật Bản này tên là ông Kawano N, (*sinh năm 1980, địa chỉ: 1-2-2-1107 S, M, S, J*) và ông Osenki S (*sinh năm 1980, địa chỉ: 1-13-27-303 A, Y, S, J*).

Ông T1 xác định không có nợ tiền ông Koderia T. Đây là khoản tiền ông Koderia T uỷ thác đầu tư và giao dịch F1. Còn hợp đồng vay tiền ngày 27/11/2023 là ông Koderia T nhờ bạn bè ép buộc ông T1 ký. Việc ông Koderia T nhờ người ép ông T1 ký hợp đồng tại quán cà phê Trúc Lâm V (*địa chỉ: H T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*). Việc bị ép buộc ký vào hợp đồng vay tiền, ông T1 không trình báo cơ quan chức năng, cũng không có bằng chứng gì nhưng đó là sự thật.

Ông T1 không vay nên không đồng ý trả gốc và lãi như nguyên đơn khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Koderia T đối với ông Nguyễn Duy T1.

1.1. Tuyên bố Hợp đồng vay vốn ngày 27/11/2023 giữa ông Koderia T và ông Nguyễn Duy T1 vô hiệu.

1.2. Buộc ông Nguyễn Duy T1 phải trả cho ông Koderia T số tiền 1.823.100.000 đồng (tương đương với 10.300.000 Yên Nhật).

1.3. Kể từ ngày ông Koderia T yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Duy T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Koderia T đối với ông Nguyễn Duy T1 về trả tiền lãi.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 16/9/2024, bị đơn ông Nguyễn Duy T1 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng số tiền theo Hợp đồng vay vốn ngày 27/11/2023 là do ông Koderia T ép buộc ghi nợ, thực tế ông nhận uỷ thác đầu tư chứng khoán FX.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo ông Nguyễn Duy T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: không có tài liệu chứng cứ chứng minh ông Koderia T uỷ thác cho ông Nguyễn Duy T1 đầu tư chứng khoán FX và do kết quả đầu tư thua lỗ nên bị ép buộc ký Hợp đồng vay vốn ngày

27/11/2023; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Ngày 27/11/2023, ông Nguyễn Duy Thạch ký Hợp đồng vay vốn, số tiền vay: 10.300.000 Yên; tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Duy T1 thừa nhận có nhận số tiền trên. Bị đơn không có chứng cứ chứng minh bị ép buộc ký Hợp đồng vay vốn hoặc có đầu tư chứng khoán. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông T1 thừa nhận có ký kết Hợp đồng vay vốn ngày 27/11/2023 và có nhận của ông Koderat số tiền 10.300.000 Yên nhưng cho rằng đây là tiền ông Koderat góp vốn với ông T1 để đầu tư F. Do đầu tư thua lỗ nên ông Koderat nhờ người ép buộc ông T1 ký vào hợp đồng vay vốn.

[2] Xét ông T1 không có tài liệu chứng cứ chứng minh có việc ông Koderat góp vốn với ông T1 để đầu tư F và bị ép buộc ký vào hợp đồng vay vốn. Do đó, có căn cứ xác định ông T1 đã ký kết Hợp đồng vay vốn ngày 27/11/2023 với mục đích vay tiền của ông Koderat, số tiền vay là 10.300.000 Yên.

[3] Tuy nhiên, hợp đồng vay vốn giao dịch bằng ngoại tệ là Yên N1, không quy đổi thành Việt Nam Đồng là vi phạm Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2013; Điều 3, Điều 4, Thông tư 32/2013-TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng N2 quy định các trường hợp được sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó hợp đồng vay vốn của nguyên đơn và bị đơn không thuộc trường hợp được sử dụng ngoại hối. Vì vậy, theo Điều 123 Bộ luật Dân sự, Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng vay vốn giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông T1 phải hoàn trả số tiền gốc 10.300.000 Yên, quy đổi ra tiền Việt Nam là 1.823.100.000 đồng (theo tỉ giá 1 Yên = 177 VNĐ) cho ông Koderat là có căn cứ.

[5] Về việc trả tiền lãi:

Hợp đồng vay vốn giữa ông Koderat và ông T1 là vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Vì vậy, ông T1 không có nghĩa vụ phải trả tiền lãi, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của ông Koderat là đúng pháp luật.

[6] Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Duy T1 cho rằng ông Koderat góp vốn với ông T1 để đầu tư F và bị ép buộc ký vào hợp đồng vay vốn.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Nguyễn Duy T1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, 123, 131 và 683 Bộ luật Dân sự; Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2013; các Điều 3, 4 Thông tư 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng N2; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Duy T1;
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.
3. Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Duy T1 phải chịu 300.000đ, đã nộp tại Biên lai số 0003821 ngày 02/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Tự